

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 75/2023/DS-ST
Ngày: 30-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Phước Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thắm;
- Ông Lương Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2023/QĐST-DS ngày 22/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Hồng N, sinh năm 1981 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 15B, khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh B.

- Bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ thường trú: 7, đường 5, khu phố 4, phường B, thành phố T, Tp.H.

Địa chỉ nơi làm việc: Trung tâm G, đường N, khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 3, khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh B (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 13/4/2023 và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phạm Hồng N trình bày:

*** Tại Đơn khởi kiện ngày 13/4/2023, nguyên đơn bà Phạm Hồng N trình bày:**

Bà và ông Lê Văn L có mối quan hệ quen biết. Trong quá trình làm ăn, do ông L thiếu vốn đầu tư, ông L có đến nhà bà ở khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh B để hỏi vay tài sản. Bà đồng ý cho ông L vay tài sản và ký hợp đồng vay tài sản, cụ thể như sau:

Ngày 26/10/2022, tại nhà bà N, địa chỉ khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh B, bà N có cho ông Lê Văn L vay với số tiền là 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng). Thời hạn vay là từ ngày 26/10/2022 đến hết ngày 26/10/2023. Mức lãi suất 13%/năm. Thời hạn đóng lãi là 01 tháng trả lãi một lần vào ngày cuối tháng, cụ thể là vào ngày 26 dương lịch. Phương thức trả tiền lãi là bằng tiền mặt.

Thời điểm vay tài sản thì bà và ông L có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc vay tài sản và cho vay tài sản không ai ép buộc, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hai bên thỏa thuận, thống nhất với nhau các nội dung trong hợp đồng vay tài sản.

Bà đã giao cho ông L toàn bộ số tiền là 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng) vào ngày 26/10/2022.

Từ ngày 26/10/2022 đến nay, ông Lê Văn L chưa tháng nào đóng tiền lãi cho bà. Như vậy, ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi suất cho bà, do đó bà có quyền khởi kiện ông L để yêu cầu Tòa án giải quyết ông L trả lại tiền gốc và tiền lãi bất kỳ lúc nào.

Chính vì thế, nay bà khởi kiện ông Lê Văn L yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc bị đơn ông Lê Văn L phải trả cho bà Phạm Hồng N số tiền 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng) tiền gốc.

- Buộc bị đơn ông Lê Văn L phải trả tiền lãi suất theo lãi suất tạm tính của ngân hàng là $[1,08\%/tháng \times 10.000.000.000 \text{ đồng}] \times 05 \text{ tháng}$ (vào thời điểm khởi kiện) = 540.000.000 đồng cho đến khi thi hành án xong. Như vậy, tổng cộng số tiền tạm tính là 10.540.000.000 đồng.

*** Tại Biên bản làm việc ngày 06/6/2023, bà Phạm Hồng N trình bày:**

Bà xin không làm bản tự khai. Bà có đề nghị Tòa án ghi nhận ý kiến của bà trong biên bản này.

Việc bà cho ông Lê Văn L vay số tiền 10.000.000.000 đồng đã được ghi nhận cụ thể tại mục 7, trang thứ 2 của “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” ngày

26/10/2022. Bà đã giao đủ số tiền mặt 10.000.000.000 đồng này cho ông Lê Văn L tại nhà của bà.

Các bên tự nguyện ký kết Hợp đồng này. Thời hạn vay là 01 năm tính từ ngày 26/10/2022 đến ngày 26/10/2023. Lãi suất vay là 1,08%/tháng. Trả lãi theo từng tháng vào ngày 26 dương lịch hàng tháng. Từ thời điểm vay cho đến nay thì ông L không trả lãi bất cứ tháng nào. Việc này thể hiện ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi cho bà như đã thỏa thuận.

Bà giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2023. Bà yêu cầu Tòa án xem xét buộc bị đơn ông Lê Văn L phải thanh toán cho bà số tiền nợ gốc là 10.000.000.000 đồng; đồng thời, yêu cầu ông Lê Văn L còn phải thanh toán lãi cho tôi tính từ ngày 26/10/2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (mức lãi suất là 1,08%/tháng).

Đối với lời trình bày của ông Lê Văn L tại Tòa án thì bà N có ý kiến như sau:

Thời điểm bà và ông Lê Văn L ký “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” ngày 26/10/2022 thì có mặt ông Đặng Văn L1 chứng kiến. Ông L1 đã ký tên dưới mục “Người làm chứng”. Bà và ông L cùng ký tên vào Hợp đồng này. Bà và chồng (ông Nguyễn Văn H) có biết ông Đặng Văn L1 do quen biết xã giao trong hoạt động kinh doanh, chứ bà không biết ông L1 hiện đang cư trú ở đâu, làm công việc gì.

Khi ký Hợp đồng này thì bản thân bà không nhờ ông L1 ký giùm với tư cách làm chứng, mà người nhờ ông L1 ký giùm là phía ông Lê Văn L. Ông L có nói với bà rằng ông L1 là người trong gia đình với ông L (mối quan hệ thông gia).

Bà cũng đề nghị Tòa án không đưa ông Đặng Văn L1 vào tham gia tố tụng trong vụ án này, vì không liên quan gì đến việc vay mượn giữa bà và ông Lê Văn L. Chồng bà là ông Nguyễn Văn H cũng không liên quan gì, nên đề nghị Tòa án không triệu tập ông H vào tham gia tố tụng.

Việc ông Lê Văn L cho rằng giữa vợ chồng bà, ông L1 và ông L có thỏa thuận về việc cản trở, hoán đổi các khoản nợ là hoàn toàn không có. Còn giữa ông L và ông L1 có thỏa thuận, phát sinh khoản nợ gì là quan hệ riêng giữa ông L và ông L1, chứ không liên quan gì đến vợ chồng bà.

Bà cũng xin từ chối thủ tục hòa giải, đối chất và xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án chuẩn bị xét xử. Bà sẽ có mặt tại phiên tòa theo thông báo của Tòa án.

** Tại “Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và đề nghị sớm đưa vụ án ra xét xử” đề ngày 22/6/2023, bà Phạm Hồng N và ông Nguyễn Văn H (chồng bà N) trình bày:*

Vợ chồng ông bà đều có công việc nên không thể sắp xếp thời gian để đến Tòa án được. Ông bà xin vắng mặt tại phiên họp vào sáng ngày 22/6/2023.

Ông bà cũng xin từ chối các thủ tục hòa giải, đối chất và các thủ tục tố tụng khác trong suốt quá trình Tòa án chuẩn bị xét xử. Giữa các bên đã có mâu thuẫn rất nghiêm trọng, nên không thể hòa giải với nhau bất cứ nội dung gì.

Đồng thời, ông bà cũng đề nghị Tòa án sớm đưa vụ án ra xét xử. Nếu thu xếp được thời gian, ông bà sẽ đến để tham gia phiên tòa. Các vấn đề có liên quan thì ông bà sẽ trình bày tại phiên tòa.

Vợ chồng ông bà cũng không đề nghị Tòa án triệu tập thêm bất cứ người làm chứng, hay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nào khác.

*** *Tại Đơn xin xét xử vắng mặt trong suốt quá trình xét xử đề ngày 30/6/2023, bà Phạm Hồng N và ông Nguyễn Văn H cùng trình bày:***

Ông bà đã nhận được Giấy triệu tập của TAND thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, với nội dung triệu tập đến tham gia phiên tòa vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 30/6/2023 (Thứ Sáu).

Tuy nhiên, vợ chồng ông bà đều có công việc nên không thể sắp xếp thời gian để đến Tòa án được. Ông bà cùng xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án xét xử vụ án này.

Ông bà cũng không đề nghị Tòa án triệu tập thêm bất cứ người làm chứng, hay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nào khác. Ông bà vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trước đây.

2. Quá trình tố tụng, bị đơn ông Lê Văn L trình bày như sau:

*** *Tại Biên bản làm việc ngày 18/5/2023, bị đơn ông Lê Văn L trình bày:***

Ông và ông Đặng Văn L1, vợ chồng bà Phạm Hồng N, ông Nguyễn Văn H có mối quen hệ quen biết với nhau, cùng kinh doanh mua bán đất.

Phía ông Đặng Văn L1, sinh năm 1982 có nợ riêng của vợ chồng bà Phạm Hồng N, ông Nguyễn Văn H số tiền 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng). Do vậy, ông Đặng Văn L1 có đề nghị với ông L ký “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” đề ngày 26/10/2022 với bà Phạm Hồng N (văn bản này ông Đặng Văn L1 có ký tên làm chứng). Đổi lại thì ông Đặng Văn L1 sẽ ký hợp đồng chuyển nhượng các thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông L1 tại tỉnh Bình Dương và tỉnh Bình Phước cho ông L (tương ứng giá trị của số tiền 10.000.000.000 đồng nêu trên).

Tuy nhiên, sau khi ông L ký văn bản nêu trên với bà N thì phía ông Đặng Văn L1 không thực hiện đúng thỏa thuận đã hứa, không ký chuyển nhượng các thửa đất cho ông L. Phía ông L đã nhiều lần liên hệ với ông L1 để giải quyết, nhưng ông L1 luôn né tránh, không nghe máy khi ông L gọi đến.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Hồng N thì ông L không đồng ý, vì không có vay số tiền 10.000.000.000 đồng nêu trên.

Ông L đề nghị Tòa án tiến hành triệu tập ông L1, ông H và bà N để tiến hành đối chất, làm rõ các nội dung có liên quan, bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho tôi.

*** *Tại Biên bản làm việc ngày 21/6/2023, bị đơn ông Lê Văn L trình bày:***

Ông vẫn còn địa chỉ thường trú tại: Số 7, đường số 5, khu phố 4, phường B, thành phố T, Tp H, và hiện ông đã cho người khác thuê căn nhà nêu trên. Do vậy, ông có đề nghị Tòa án không gửi Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng về địa chỉ này.

Ông có đề nghị Tòa án gửi các văn bản tố tụng đến địa chỉ nơi kinh doanh của ông L tại: Trung tâm G, đường N, khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh B (hoặc thông báo qua số điện thoại của ông L thay cho việc gửi văn bản tố tụng).

Đối với phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 16/6/2023 (lần 1), ông L có nhận được Thông báo của Tòa án, nhưng vào thời gian nêu trên thì ông L bận công việc gia đình, nên không thể đến Tòa án để dự phiên họp.

Nay ông L được Tòa án thông báo ngày mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 10/7/2023 (lần 2). Ông cho rằng thời gian ấn định vào ngày này là quá xa. Ông muốn vụ án sớm được giải quyết để ông L còn yên ổn làm ăn. Đề nghị Tòa án không chấp nhận tất cả các yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Các lý do và căn cứ mà nguyên đơn là hoàn toàn bịa đặt.

Ông xin Tòa án không mở phiên họp vào ngày 10/7/2023. Ông xin Tòa án lùi thời gian mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 22/6/2023 (Thứ Năm). Ông cam kết sẽ đến làm việc đúng thời gian nêu trên.

*** Tại Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 22/6/2023, ông Lê Văn L trình bày:**

Ông L không có tài liệu, chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án, vì ông không có vay mượn gì với bà Phạm Hồng N.

Ông cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án này. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ông có đề nghị Tòa án xem xét thái độ của vợ chồng bà Phạm Hồng N và ông Nguyễn Văn H. Cả hai người này đều có thái độ né tránh, không hợp tác, không có thiện chí hòa giải và đối chất đối với ông L. Chúng tôi họ không có giao bất cứ khoản tiền nào cho ông L cả.

Ông L và ông Đặng Văn L1, vợ chồng bà Phạm Hồng N, ông Nguyễn Văn H có mối quen hệ quen biết với nhau, cùng làm trong lĩnh vực kinh doanh mua bán đất.

Phía ông Đặng Văn L1, sinh năm 1982 có nợ riêng của vợ chồng bà Phạm Hồng N, ông Nguyễn Văn H số tiền 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng). Do vậy, ông Đặng Văn L1 có đề nghị với ông L ký “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” đề ngày 26/10/2022 với bà Phạm Hồng N (văn bản này ông Đặng Văn L1 có ký tên làm chứng). Đổi lại thì ông Đặng Văn L1 sẽ ký hợp đồng chuyển

nhượng các thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông L1 tại tỉnh Bình Dương và tỉnh Bình Phước cho ông L (tương ứng giá trị của số tiền 10.000.000.000 đồng trên).

Tuy nhiên, sau khi ông L ký văn bản nêu trên với bà N thì phía ông Đặng Văn L1 không thực hiện thỏa thuận đã hứa, không ký chuyển nhượng các thửa đất cho ông L. Ông L đã nhiều lần liên hệ với ông L1 để giải quyết, nhưng ông L1 luôn có thái độ né tránh, không nghe máy khi ông L gọi đến. Ông cũng không rõ hiện nay ông L1 đang cư trú ở đâu để cung cấp thông tin cho Tòa án. Ông đề nghị Tòa án xem xét xác minh đối với ông Đặng Văn L1. Anh ruột của ông L1 (tên là Triễn) lấy chị gái của ông L, chứ ông L không có họ hàng gì với ông L1.

Ông L không có nhận bất cứ khoản tiền nào từ phía nguyên đơn bà Phạm Hồng N. Ông yêu cầu Tòa án buộc bà N phải xuất trình chứng cứ chứng minh về việc đã giao số tiền 10.000.000.000 đồng cho ông L (như: Sao kê chuyển tiền ngân hàng, biên bản giao nhận tiền, hình ảnh chụp...).

Ông L đề nghị Tòa án giải quyết dứt điểm vụ án này để ông yên ổn làm ăn, không để vụ kiện này ảnh hưởng đến uy tín, công việc làm ăn của cá nhân ông.

Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Hồng N thì ông L không đồng ý, vì không có vay số tiền 10.000.000.000 đồng nêu trên.

Ông L đề nghị Tòa án không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Các lời trình bày của bà N và ông H tại hồ sơ vụ án về khoản tiền vay 10.000.000.000 đồng này là hoàn toàn không đúng sự thật.

**** Tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Văn L trình bày:***

Ông giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trước đây trong quá trình tố tụng. Hiện ông đang kinh doanh tại Trung tâm G, đường N, khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh B. Do vậy, ông đề nghị Tòa án gửi các văn bản tố tụng đến địa chỉ này.

Ông xác định ông không nợ bà Phạm Thị N, ông Nguyễn Văn H bất cứ khoản tiền nào. Văn bản được ký giữ ông L và bà N chỉ là văn bản ký để làm tin. Phía ông Đặng Văn L1 đã không giao các thửa đất tại tỉnh Bình Phước và tỉnh Bình Dương cho ông L như đã hứa trước đây.

Do có mối quan hệ thân tình, tin tưởng nhau nên giữa ông L và ông L1 không ký kết văn bản riêng để xác nhận việc cần nợ thay, và nghĩa vụ của ông L1 về chuyển giao các thửa đất (đúng tên của ông L1) cho phía ông L đứng tên. Hiện ông L cũng không rõ ông L1 đang cư trú ở đâu nên không có thông tin cụ thể để cung cấp cho Tòa án.

Ông L cho rằng việc nguyên đơn bà Phạm Thị N khởi kiện đối với ông L là hoàn toàn không có căn cứ, gây xáo trộn đến gia đình ông, ảnh hưởng đến uy tín làm ăn của ông L. Phía bà N cho rằng ông L có nợ nhưng lại cố tình né tránh,

không xuất hiện tại phiên tòa để đối chất với ông L. Điều này đã thể hiện việc vay mượn trên thực tế là hoàn toàn không có.

Do vậy, bị đơn ông Lê Văn L đề nghị HĐXX xem xét không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn bà Phạm Thị N.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H trình bày tại Biên bản làm việc ngày 06/6/2023 như sau:

Ông xin không làm bản tự khai. Ông có đề nghị Tòa án ghi nhận ý kiến của ông trong biên bản này. Ông thống nhất như các ý kiến mà vợ ông là bà Phạm Hồng N đã trình bày. Ông không có liên quan gì trong việc vợ ông (bà Phạm Hồng N) đã cho ông Lê Văn L vay số tiền 10.000.000.000 đồng vào ngày 26/10/2022.

Vợ chồng ông chỉ biết ông Đặng Văn L1 do quen biết xã giao trong hoạt động kinh doanh, chứ ông không biết ông L1 hiện đang cư trú ở đâu, làm công việc gì. Ông không có giữ liên lạc gì với ông L1.

Ông cũng không liên quan gì trong vụ án này, nên đề nghị Tòa án không triệu tập ông vào tham gia tố tụng.

Việc ông Lê Văn L cho rằng giữa vợ chồng ông, ông L1 và ông L có thỏa thuận về việc cân trừ, hoán đổi các khoản nợ là hoàn toàn không có. Còn giữa ông L và ông L1 có thỏa thuận, phát sinh khoản nợ gì là quan hệ riêng giữa ông L và ông L1, chứ không liên quan gì đến vợ chồng chúng tôi.

Tôi cũng xin từ chối thủ tục hòa giải, đối chất, và xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng TAND thị xã Bến Cát và TAND các cấp. Đề nghị quý Tòa xem xét bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho vợ ông (bà Phạm Hồng N).

*** Kiểm sát viên đại diện VKSND thị xã Bến Cát phát biểu quan điểm:**

- Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Xét nguyên đơn bà Phạm Hồng N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H vắng mặt nhưng đã ý kiến trình bày đầy đủ và đã xin xét xử vắng mặt. Do vậy, đề nghị HĐXX giải quyết vắng mặt đối với các đương sự này.

Xét ông Đặng Văn L1 có ký tên dưới mục “người làm chứng” trong Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 26/10/2022. Nội dung của văn bản này không đề cập gì đến quyền và nghĩa vụ gì của ông L1. Phía bị đơn cho rằng ông L1 có liên quan nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Phía bà N, ông H đều không thừa nhận việc ông L1 có liên quan đến việc vay mượn giữa các bên. Các đương sự trong vụ án đều không xác định ông L1 đang cư trú tại đâu để có cơ sở triệu tập vào tham gia tố tụng, nên việc HĐXX không đưa ông L1 vào tham gia tố tụng trong vụ án này là phù hợp.

- Về nội dung vụ án:

Hợp đồng cho cá nhân vay tiền đề ngày 26/10/2022 lập giữa bà Phạm Hồng N và ông Lê Văn L là hoàn toàn tự nguyện, nội dung các bên đã thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật.

Tại mục “7” trang thứ 2 của “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” đề ngày 26/10/2022 đã ghi nhận rõ nội dung: “*Kể từ thời điểm bên B ký vào hợp đồng, bên B xác nhận đã nhận đủ số tiền do bên A chuyển giao*”. Như vậy, bên vay (ông Lê Văn L) đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền lãi hàng tháng cho bên cho vay (bà Phạm Hồng N).

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Hồng N là có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Hồng N, buộc bị đơn ông Lê Văn L phải trả số tiền nợ gốc là 10.000.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,08%/tháng, tính từ ngày vay (26/10/2022) đến ngày xét xử sơ thẩm (30/6/2023).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tại Đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Phạm Hồng N khởi kiện về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” với bị đơn ông Lê Văn L. Bị đơn có địa chỉ nơi làm việc tại: Trung tâm G, đường N, khu phố 6, phường T, thị xã B, tỉnh B.

Tại Biên bản xác minh ngày 21/6/2023, Công an phường T cũng xác nhận: “*Qua kiểm tra thông tin cư trú, ông Lê Văn L, sinh năm 1987, có mở cơ sở Trung tâm G, đường N, khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh B. Ông L mở cơ sở và quản lý cơ sở này hoạt động được khoảng 03 năm, và ông L làm việc tại cơ sở này*”.

Quá trình tố tụng, ông Lê Văn L cũng xác định ông có địa chỉ thường trú tại: Số 7, đường số 5, khu phố 4, phường B, thành phố T, Tp.H, và hiện ông đã cho người khác thuê căn nhà nêu trên. Do vậy, ông có đề nghị Tòa án không gửi Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng về địa chỉ này. Ông có đề nghị Tòa án gửi các văn bản tố tụng đến địa chỉ nơi kinh doanh của ông tại: *Trung tâm G, đường N, khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh B*.

Xét bị đơn ông Lê Văn L có địa chỉ làm việc tại phường T, thị xã B, tỉnh B, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương (theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn bà Phạm Hồng N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H:

Bà Phạm Hồng N và ông Nguyễn Văn H đều có ý kiến trình bày đầy đủ và đã xin xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của bà N, ông H không ảnh hưởng gì đến việc giải quyết vụ án, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà N và

ông H (theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).

[3] Về việc triệu tập ông Đặng Văn L1 tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng trong vụ án này:

Xét ông Đặng Văn L1 có ký tên dưới mục “người làm chứng” trong Hợp đồng cho cá nhân vay tiền đề ngày 26/10/2022. Nội dung của Hợp đồng này không đề cập nội dung gì liên quan đến quyền và nghĩa vụ của phía ông Đặng Văn L1.

Phía bị đơn ông Lê Văn L cho rằng ông Đặng Văn L1 có liên quan, nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Phía bà Phạm Hồng N, ông Nguyễn Văn H đều không thừa nhận việc ông Đặng Văn L1 có liên quan đến việc vay mượn giữa các bên.

Các đương sự trong vụ án đều không xác định ông Đặng Văn L1 hiện đang cư trú tại đâu để Tòa án có cơ sở triệu tập vào tham gia tố tụng, nên việc không đưa ông L1 vào tham gia tố tụng trong vụ án này là hoàn toàn phù hợp.

[4] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà Phạm Hồng N cho rằng bà có cho bị đơn ông Lê Văn L vay số tiền 10.000.000.000 đồng, đã giao đủ số tiền 10.000.000.000 đồng vào cùng ngày ký Hợp đồng cho cá nhân vay tiền (ngày 26/10/2022). Thời hạn vay từ ngày 26/10/2022 đến ngày 26/10/2023, với lãi suất 13%/năm, trả lãi hàng tháng vào ngày 26 dương lịch. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi hàng tháng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 10.000.000.000 đồng và tiền nợ lãi tính từ ngày 26/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/6/2023), với mức lãi suất là 13%/năm (tương đương 1,08%/tháng).

Bị đơn ông Lê Văn L thừa nhận có ký “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” đề ngày 26/10/2022 với nguyên đơn bà Phạm Hồng N, nhưng bị đơn cho rằng trên thực tế các bên không có giao nhận số tiền này. Bị đơn cho rằng việc các bên ký văn bản này vì ông Đặng Văn L1 có nợ riêng của vợ chồng bà Phạm Hồng N, ông Nguyễn Văn H số tiền 10.000.000.000 đồng. Do vậy, ông Đặng Văn L1 có đề nghị với ông L ký “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” đề ngày 26/10/2022 với bà Phạm Hồng N (văn bản này ông Đặng Văn L1 có ký tên làm chứng). Đổi lại thì ông Đặng Văn L1 sẽ ký hợp đồng chuyển nhượng các thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông L1 tại tỉnh Bình Dương và tỉnh Bình Phước cho ông L (tương ứng giá trị của số tiền 10.000.000.000 đồng trên). Do vậy, bị đơn không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

HĐXX thấy rằng: Chứng cứ mà nguyên đơn bà Phạm Hồng N xuất trình là “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” đề ngày 26/10/2022. Hợp đồng này có 02 trang, được đánh máy sẵn, có chữ ký từng trang của các ông, bà: Bà Phạm Hồng N (bên A, bên cho vay), ông Lê Văn L (bên B, bên vay) và ông Đặng Văn L1 (ký tên dưới mục Người làm chứng).

Xét các đương sự đều tự nguyện ký tên vào Hợp đồng này, không ai bị lừa dối ép buộc, nội dung của Hợp đồng đã ghi nhận rõ nội dung về thỏa thuận vay vốn của bên vay (ông Lê Văn L) và bên cho vay (bà Phạm Hồng N), cụ thể là ông Lê Văn L đồng ý vay của bà Phạm Hồng N số tiền mặt là 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng), lãi suất các bên thỏa thuận là 13%/năm, trả lãi sau, 01 tháng sẽ trả 01 lần vào ngày 26 (Dương lịch).

Phía bị đơn ông Lê Văn L thừa nhận đã ký tên xác nhận nội dung, nhưng bị đơn cho rằng việc ký tên này nhằm đảm bảo cho một thỏa thuận khác giữa ông L, ông L1 và vợ chồng bà N, ông H; tuy nhiên phía ông L không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Phía bà N, ông H cũng không thừa nhận lời trình bày này của ông L. Do vậy, lời trình bày này của ông L là không có căn cứ chấp nhận. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, HĐXX đã giải thích quyền yêu cầu triệu tập người làm chứng, nghĩa vụ cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của ông L, nhưng ông L không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ gì. Ông L cũng trình bày là không có bất cứ giấy tờ, văn bản gì hay tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án để cung cấp cho Tòa án.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Hồng N là có căn cứ chấp nhận, cụ thể: Bị đơn ông Lê Văn L phải thanh toán cho nguyên đơn bà Phạm Hồng N số tiền nợ gốc là 10.000.000.000 đồng; đồng thời, bị đơn ông Lê Văn L còn phải thanh toán cho nguyên đơn bà Phạm Hồng N số tiền lãi tương ứng tính từ ngày 26/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/6/2023: $10.000.000.000 \text{ đồng} \times 13\%/năm$ (tương đương $1,08\%/tháng$) $\times 08 \text{ tháng} 04 \text{ ngày} = 878.400.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng, bị đơn ông Lê Văn L phải thanh toán cho nguyên đơn bà Phạm Hồng N tổng cộng là: $10.000.000.000 \text{ đồng} + 878.400.000 \text{ đồng} = 10.878.400.000 \text{ đồng}$.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Lê Văn L phải chịu theo quy định. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn bà Phạm Hồng N.

[7] Xét ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 26, 35, 39, 147, 227, 228, 229, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều: 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Hồng N đối với bị đơn ông Lê Văn L về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” như sau:

Buộc bị đơn ông Lê Văn L có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Phạm Hồng N số tiền 10.878.400.000 đồng (trong đó: 10.000.000.000 đồng là tiền nợ gốc và 878.400.000 đồng là tiền lãi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chi cục THADS thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương hoàn lại cho nguyên đơn bà Phạm Hồng N số tiền tạm ứng đã nộp là 59.270.000 đồng theo Biên lai số 0011087 ngày 19/4/2023.

- Bị đơn ông Lê Văn L phải nộp số tiền 118.878.400 đồng.

3. Về quyền kháng cáo:

- Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 30/6/2023).

- Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều: 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Phước Thành